

Biên Hòa, ngày 22 tháng 6 năm 2022

Số: 1145/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 732/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Hoàng L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 25/2, khu phố Đồng Nai, phường A, thành phố B, tỉnh D.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Thế N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 25/2, khu phố Đồng Nai, phường A, thành phố B, tỉnh D.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Hoàng L, sinh năm 1980 và ông Huỳnh Thế N, sinh năm 1977.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hoàng L, sinh năm 1980 và ông Huỳnh Thế N, sinh năm 1977 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị Hoàng L và ông Huỳnh Thế N, giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc N1, sinh ngày 16/04/2009 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Riêng cháu Huỳnh Nhật M, sinh ngày 18/09/2001 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu xem xét.

Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản ông N thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các

bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Hoàng L tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001802 ngày 16/03/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho bà Phạm Thị Hoàng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0001801 ngày 16/03/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu